TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **82/**2021/QĐST-DS	*Tuyên Quang, ngày 15 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 158/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

** Nguyên đơn:* - **Ngân hàng T.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Tòa nhà Thaiholding Tower, số 210 đường Trần Quang Khải, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh thực hiện việc khởi kiện: **Ngân hàng T – Chi nhánh Tuyên Quang.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Giang N – Chức vụ: Giám đốc.

Người nhận ủy quyền lại: Ông Nguyễn Trọng T – Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách kinh doanh.

Địa chỉ Chi nhánh: Tòa nhà Viettel Tuyên Quang, số 172 đường Bình Thuận, phường Q, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn Đồng Mon, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông **Đỗ Văn D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Đồng Mon, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ trả tiền: Bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T tổng số tiền 42.495.982đ *(Bốn mươi hai triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn chín*

trăm tám hai đồng); trong đó: nợ gốc là 36.712.480đ *(Ba mươi sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn bốn trăm tám mươi đồng)*; nợ lãi tính đến ngày 07 tháng 6 năm 2021 là 5.783.502đ *(Năm triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn năm trăm linh hai đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Tiền án phí dân sự có giá ngạch của vụ án là 1.062.399đ *(Một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm chín mươi chín đồng).*

Bà Nguyễn Thị V tự nguyên nhận chịu 531.199đ *(Năm trăm ba mươi mốt nghìn một trăm chín mươi chín đồng)*. Bà Vi chưa nộp án phí.

Ngân hàng T tự nguyện nhận chịu 531.199đ *(Năm trăm ba mươi mốt nghìn một trăm chín mươi chín đồng),* nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng T đã nộp 1.033.229đ *(Một triệu không trăm ba mươi ba nghìn hai trăm hai mươi chín đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000787 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T; trả lại cho Ngân hàng T số tiền chênh lệch 502.030đ *(Năm trăm linh hai nghìn không trăm ba mươi đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- Chi cục THADS thành phố TQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ TA.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Huyền